

5. Thông tin về điểm trường (CSVC)

TT	Tên điểm trường	Diện tích (m2)	Diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	Phòng học theo cấp xây dựng								Phòng học đủ điều kiện tổ chức học nhóm			Khu vệ sinh đạt chuẩn vệ sinh*								Nhà xe			
				Trên cấp IV		Cấp IV		Tạm		Mượn					GV Nam		GV Nữ		HS Nam		HS Nữ		GV		HS	
				S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	S.Lượng	D.Tích (m2)	Đủ diện tích và bàn ghế	Đủ diện tích - thiếu bàn ghế	Đủ bàn ghế - thiếu diện tích	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)	Số lượng	D.Tích (m2)
	Cộng	15351	6612			19	1228					19			2	30	2	30	5	75	5	75	2	240	3	135
1	Trường Tiểu Học Nam Lợi	8781	3372			12	850					12			1	15	1	15	3	45	3	45	1	140	1	75
2	Điểm trường Nam Lợi 2	6570	3240			7	378					7			1	15	1	15	2	30	2	30	1	100	2	60

HIỆU TRƯỞNG



[Handwritten signature in blue ink]

HIỆU TRƯỞNG
Lưu Thị Minh Hương